

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05-8-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Quyết

Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 2/20/22 An Đà N, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1980; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 2/20/22 An Đà N, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Canada; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trà M: Chị M và anh Hoàng Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng vào ngày 16/3/2004. Sau khi kết hôn, chị và anh H sinh sống với nhau hạnh phúc và đã có hai con chung. Đến đầu năm 2018, anh H sang Canada để làm việc. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau nhưng sau đó do xa cách nhau về địa lý nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần và không còn liên lạc với nhau nữa. Hiện nay chị M không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở đâu tại Canada, địa chỉ cuối cùng anh H ở Việt Nam trước khi sang Canada là số 2/20/22 An Đà N, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải

Phòng. Nay, chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai nên chị M đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử cho chị M được ly hôn anh H. Về con chung: Chị M trình bày vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Ngọc H, sinh ngày 16/02/2005 và Hoàng Gia H1, sinh ngày 01/5/2007. Ly hôn, chị M đề nghị Tòa án giao 02 con cho chị trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con chị M không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trình bày và đề nghị của bị đơn anh Hoàng Văn H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã thông báo cho gia đình anh H cung cấp địa chỉ của anh ở Canada và yêu cầu gia đình anh cho biết kết quả đã thông báo cho anh H biết để gửi lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ về Tòa án. Tuy nhiên, gia đình anh H vẫn không thực hiện yêu cầu trên của Tòa án. Tòa án đã ghi lời khai của anh trai anh H ở cùng địa chỉ tại Việt Nam của anh H, thể hiện: Anh Hoàng Văn H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua mạng internet nhưng gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh ở Canada. Anh H đã được gia đình thông báo về việc chị M có đơn ly hôn với anh, đồng ý với quan điểm của chị M. Quan điểm của gia đình bị đơn thể hiện mâu thuẫn vợ chồng anh H và chị M đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Hoàng Văn H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Hoàng Văn H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng vào ngày 16/3/2004 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Trà M. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung là Hoàng Ngọc H, sinh ngày 16/02/2005 và Hoàng Gia H1, sinh ngày 01/5/2007 cho chị Nguyễn Thị Trà M trực tiếp nuôi dưỡng và không xem xét yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Trà M xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn anh Hoàng Văn H hiện đang ở Canada, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Trà M có nơi cư trú tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ

luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, chị Nguyễn Thị Trà M vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. anh Hoàng Văn H vắng mặt mặc dù đã được tổng đạt, thông báo họp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Hoàng Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng vào ngày 16/3/2004, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, nhưng sau đó anh Hoàng Văn H sang Canada làm việc từ đó đến nay vợ chồng xa cách và không còn quan tâm đến nhau nữa, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị Nguyễn Thị Trà M và anh Hoàng Văn H ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Hoàng Văn H có hai con chung là Hoàng Ngọc H, sinh ngày 16/02/2005 và Hoàng Gia H1, sinh ngày 01/5/2007. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Hiện nay hai con do chị M trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời hai con chung cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng mẹ nên xét nguyện vọng của chị M là chính đáng, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị M, giao con chung cho chị M nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị M không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Trà M không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Trà M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Hoàng Văn H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trà M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trà M được ly hôn anh Hoàng Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Ngọc H, sinh ngày 16/02/2005 và Hoàng Gia H1, sinh ngày 01/5/2007 cho chị Nguyễn Thị Trà M trực tiếp nuôi. Việc nuôi con của chị M được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Trà M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai ký hiệu: AA/2016 số 0018826 ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng; chị Nguyễn Thị Trà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Trà M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Anh Hoàng Văn H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Đằng Gi, Quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Sơn